

Bản án số: 598/2017/HNGĐ -ST

Ngày: 18-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Hoàng

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 731/2016/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2017/QĐST –HPT ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kiều O, sinh năm: 1981; cư trú tại: 179 TVK, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Quang T, sinh năm: 1981; cư trú tại: 179 TVK, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2016, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn, bà Phan Thị Kiều O trình bày: Bà và ông Trần Quang T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường J, Quận F, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2007

Sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng bà đã không có điều kiện để sống gần nhau nguyên nhân là do ông T đi làm công trình ở Cà Mau. Hơn chín

năm nay bà đã nhiều lần yêu cầu ông T chuyển công tác về Thành phố Hồ Chí Minh để có điều kiện sống cùng gia đình và chăm sóc vợ con nhưng ông T không đồng ý. Hơn 01 (một) tháng thì ông T mới về nhà khoảng 2 đến 3 ngày rồi lại đi. Vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, con cái từ nhỏ đến lớn không có sự quan tâm chăm sóc, dạy dỗ của người cha. Mặt khác do vợ chồng sống xa nhau nên không có sự tin tưởng lẫn nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống

Về con chung: Bà và ông T có với nhau 02 người con chung tên là: Trần Nhật V, sinh năm: 2008 và Trần Nhật L, sinh năm: 2014. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông Trần Quang T đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Theo như bà O trình bày thì từ 09 (chín) năm nay vợ chồng bà O và ông T đã không có nhiều thời gian để sống cùng nhau từ đó dẫn đến việc vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải điều này chứng tỏ ông T không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà O và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị, Hội đồng xét xử cho bà O được ly hôn với ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: giao hai trẻ Trần Nhật V, sinh năm: 2008 và Trần Nhật L, sinh năm: 2014 cho bà O nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung bà O khai không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2007 thì

bà Phan Thị Kiều O và ông Trần Quang T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà O có đơn xin ly hôn với ông T nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Trần Quang T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn tiếp tục vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà O thì sau khi vợ chồng về sống chung với nhau thì bà và ông T thường xuyên phải sống xa nhau do ông T đi làm ăn xa nhà do vậy vợ chồng đã không có sự tin tưởng lẫn nhau và không có sự đồng cảm với nhau. Từ nhiều năm nay thì ông T không cùng với bà để chăm sóc, dạy dỗ con chung. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông T về làm việc gần nhà để vợ chồng được gần gũi nhau và cùng nhau chăm sóc con chung nhưng ông T không đồng ý.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường J, quận F thì ông T đi làm công trình đóng nhà gỗ tại Cà Mau rất ít về nhà, một tháng về một đến hai lần

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...” nhưng giữa vợ chồng bà O và ông T đã không có sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để ông T trình bày ý kiến và tạo điều kiện để hai bên hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay là lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt điều này chứng tỏ ông T không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà O và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà O được ly hôn với ông T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Bà O và ông T có với nhau 02 người con chung tên là: Trần Nhật V, sinh năm: 2008 và Trần Nhật L, sinh năm: 2014, hiện nay hai trẻ đang do bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Bà O yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao hai trẻ Trần Nhật V, sinh năm: 2008 và Trần Nhật L, sinh năm: 2014 cho bà O nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung: Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) do bà Phan Thị Kiều O nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Kiều O được ly hôn với ông Trần Quang T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường J, Quận F, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao hai trẻ tên là Trần Nhật V, sinh năm: 2008 và Trần Nhật L, sinh năm: 2014 cho bà Phan Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phan Thị Kiều O có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Trần Quang T đến thăm nom chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) do bà Phan Thị Kiều O nộp được khấu trừ vào 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà O đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003952 ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà O đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Kiều O được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Ông Trần Quang Thạch được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Ủy ban nhân dân Phường J, Quận F
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn